


UEH Digital Repository

Book | University level

2021-07

Hai đứa trẻ

Thạch, Lam 

UEH University

Citation:

Thạch, L.(2021), "*Hai đứa trẻ*", Book, UEH University, July

Available at <https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/11461/2009>

This item is protected by copyright and made available here for research and educational purposes. The author(s) retains copyright ownership of this item. Permission to reuse, publish, or reproduce the object beyond the bounds of Vietnam Law No. 36/2009/QH12 on Intellectual Property (Article 25, Sec.1, Chapter 2) or other exemptions to the law must be obtained from the author(s).

PHÁC THẢO NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA VĂN XUÔI HIỆN ĐẠI KOREA THẾ KỶ XX

Trần Thúc Việt (*)

Văn xuôi với nhiều thể loại khác nhau xuất hiện từ rất sớm và phát triển phong phú ở Korea. Từ thế kỷ XI đã ra đời tác phẩm văn xuôi cổ nhất ghi chép về thời kỳ Ba vương quốc: *Samguk sagi* (Tam quốc sử ký của Kim Pu Shik - Kim Phú Thúc) và thế kỷ XIII *Samguk yusa* (Tam quốc di sự của Iryon - Nhất Nhiên). Tiếp đến là những tác phẩm văn xuôi nổi tiếng như tiểu thuyết truyền kỳ *Kim Ngao tân thoại* của Kim Si Sup (Kim Thời Tập, 1435-1493), tiểu thuyết anh hùng *Hồng Cát Đông* của Ho Kuyn (Hứa Quân, 1569-1618), tiểu thuyết khuê phòng *Cửu vân mộng* của Kim Man Jung (Kim Vạn Trọng, 1637-1692), các sáng tác của Park Chi Won (Phác Chỉ Nguyên, 1737-1805), tiểu thuyết lịch sử *Nhâm thìn lục*, tiểu thuyết Phan sôri *Xuân Hương truyện* (khuyết danh)....

Cuối thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX đánh dấu sự giảm dần của văn xuôi và vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Korea bước vào giai đoạn chuyển đổi từ “vương quốc ẩn dật” trở thành bán đảo chịu nhiều ảnh hưởng của thế giới phương Tây. Đời sống chính trị - xã hội và văn học chuyển biến sâu sắc kể từ 1910 khi Nhật thôn tính Korea, chính thức đặt ách đô hộ của chủ nghĩa đế quốc. Văn xuôi hiện đại ra đời và phát triển với hai chặng đường lớn: nửa đầu và nửa sau thế kỷ XX. Bài viết phác thảo những chặng đường phát triển của văn

xuôi qua giới thiệu các tác giả, tác phẩm tiêu biểu ở các giai đoạn nhưng không tuân theo khoảng thời gian nhất định mà phụ thuộc vào những bước chuyển mình chủ yếu của bản thân nền văn xuôi Korea trong dòng chảy của lịch sử văn học dân tộc.

I. Văn xuôi Korea nửa đầu thế kỷ XX

1. Lee In Jik và thời kỳ chuyển tiếp

Thời kỳ chuyển tiếp hay giai đoạn khởi đầu của văn xuôi hiện đại Korea xảy ra vào khoảng 1905 - 1915. Vào những năm đầu của thế kỷ XX, ở Korea nổi lên phong trào *Shinmunhak* (văn học mới), đồng thời thuật ngữ “văn học hiện đại Korea” xuất hiện. Nền văn xuôi hiện đại, đặc biệt là “tiểu thuyết mới” cũng ra đời ngay sau đó. Khái niệm “tiểu thuyết mới” được sử dụng nhằm đối lập với “tiểu thuyết cũ”, tiểu thuyết truyền thống được viết trong các triều đại phong kiến trước đó. Tính chất chung của truyện và tiểu thuyết trong giai đoạn chuyển tiếp là phần nào vẫn chịu ảnh hưởng của truyền thống như giữ lại những nét của văn vần đã từng có trong các thiên sử ca cổ, chủ đề mang tính chất phát triển từ ca kịch. Tuy nhiên, văn xuôi thời kỳ này đã có những cách tân đáng kể trên bình diện nội dung và hình thức như đã xuất hiện tư tưởng, lối nghĩ mới, nội dung tác phẩm đều phản ánh thực trạng xảy ra

(*) Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

trong xã hội chứ không đi sâu vào các tích truyện hoang đường, các tác phẩm đều ở dạng văn xuôi riêng biệt, chỉ có một số đoạn trong tác phẩm mang tính văn vần. Bước thay đổi từ văn học truyền thống sang hiện đại chính là nhờ ở hiệu quả nền giáo dục mới, việc sử dụng chữ quốc ngữ và phong trào văn học mới. Sau cuộc cải cách Kabo (1894) một nhánh giáo dục mới được cổ vũ, các trường tiểu học kiểu Tây được thành lập, sách báo phương Tây được xuất bản. Phong trào văn học mới là một trong những phản ứng tự giác của giới văn nghệ sỹ trước những thay đổi trong môi trường xã hội cũng như trước những tác động của văn học phương Tây. Một lớp nhà văn chuyên nghiệp bắt đầu định hình. Nhà văn quan trọng đầu tiên phải kể đến là Lee In Jik.

Lee In Jik (1862-1916) là tiểu thuyết gia đặt nền móng cho một nền văn xuôi mới với tác phẩm *Những giọt máu* (1906). *Những giọt máu* xuất hiện ở giai đoạn giao thời giữa các tác phẩm văn xuôi truyền thống với cách viết mơ mộng, lãng mạn và các tiểu thuyết mới, hiện đại đang trên đường hiện thực chủ nghĩa. Cùng với *Những giọt máu*, Lee In Jik còn cho ra đời các tác phẩm khác như *Âm thanh quý thân* (1907), *Đôi chim trī* (1908) và *Thế kỷ bạc* (1908). Sáng tác của Lee không chỉ thể hiện sự đổi mới về kết cấu cốt truyện, cách tiếp cận hiện thực, thủ pháp đối thoại... mà còn nêu lên những nội dung mới về tư tưởng như đề cao tự do hôn nhân, giác ngộ tinh thần dân tộc, phê phán tệ nạn, hủ tục, kêu gọi hiện đại hoá...

Dấu sac thì Lee In Jik vẫn là tác giả chuyển tiếp đặt dấu nối giữa văn xuôi cũ và văn xuôi mới - văn xuôi hiện đại. Nhà

văn quan trọng hàng đầu về thể loại tiểu thuyết hiện đại, người đầu tiên nổi lên từ phong trào *Shin mun hak* (văn học mới) ở Korea lại là Lee Kwang Su.

2. Lee Kwang Su và buổi bình minh của văn xuôi hiện đại

Thời kỳ chuyển tiếp của văn xuôi kết thúc khi Lee Kwang Su cho ra đời tác phẩm *Nghèo khổ* vào năm 1917. Lee Kwang Su (1892-1950) là người cha của nền văn học hiện đại Korea, từ năm 1912 đã bắt đầu xuất bản tiểu thuyết thí nghiệm đầu tiên của mình và nhanh chóng được công chúng thừa nhận. Là nhà văn tài năng ông viết nhiều tác phẩm ở nhiều thể loại như thơ trữ tình, truyện ngắn, tiểu luận, tiểu thuyết, trong đó, tiểu thuyết là địa hạt thành công nhất của ông. Sáng tác của Lee Kwang Su hoàn toàn rời bỏ quá khứ, viết theo phong cách phương Tây, nội dung chính là bảo vệ tự do yêu đương, tự do cá nhân, phá bỏ sự trói buộc của hệ thống gia đình cổ xưa, một số tác phẩm đề cập đến chủ đề độc lập dân tộc, tầm quan trọng của giáo dục... *Với các bạn trẻ của tôi* (1915), *Nghèo khổ*, *Người tiên phong*, *Sắt đá* (1917) *Đôi trọc*, *Căn bã*.... Trong số rất nhiều truyện ngắn và tiểu thuyết ông viết trong thời kỳ này, giới nghiên cứu Hàn Quốc đánh giá rất cao tác phẩm *Nghèo khổ*. Bởi vì, tiểu thuyết này đã hoàn toàn loại bỏ lối hành văn và nội dung, đề tài còn dính dấp đến văn học cổ điển, thay vào đó là nội dung và hình thức của tiểu thuyết mới hiện đại. Với *Nghèo khổ*, Lee Kwang Su xứng đáng là người khai sinh ra nền văn xuôi hiện đại.

Lee Kwang Su công khai xem văn học là một thứ công cụ quan trọng để xây

dựng và khai sáng xã hội, nên tiểu thuyết của ông có tính lý tưởng, nặng chất giáo huấn, nhiều lời bình luận trữ tình ngoại đề có dụng ý tốt về tư tưởng chính trị nhưng đôi khi vụng về và chứa đựng thứ chủ nghĩa nhân đạo thô sơ, chất phác. Về cuộc đời, Lee chịu nhiều ảnh hưởng của hệ tư tưởng Thiên chúa giáo, về sau lại lấy Phật giáo làm nền tảng, coi nỗi khổ con người không phải ở hoàn cảnh mà ở bên trong con người. Lee Kwang Su vốn sống ở phía Nam bán đảo, sau chiến tranh chống Nhật, ông lại ở phía Bắc. Lee Kwang Su là một trong số ít những nhà văn hiện đại xuất hiện trong thời gian chiến tranh mà tên tuổi được cả 2 chế độ chính trị nâng niu và trân trọng. Buổi bình minh của tiểu thuyết hiện đại Korea gắn liền với tên tuổi nhà văn mở đường Lee Kwang Su.

3. Giai đoạn văn xuôi hiện thực chủ nghĩa

Nếu như Lee Kwang Su sáng tác theo khuynh hướng lãng mạn, lý tưởng hoá cuộc sống thì một lớp nhà văn tiếp sau đó như Kim Tong In, Yom Sang Sup, Chai Man Shik, Huyn Jin Geon lại từ chủ nghĩa tự nhiên đến hiện thực chủ nghĩa. Đối lập với quan điểm của Lee Kwang Su, họ chủ trương văn học không nên đề cao tính giáo huấn một cách nặng nề và không nên coi văn học như một công cụ của người đi trước. Văn học nên thể hiện cuộc sống như nó đang diễn ra.

Kim Tong In (1900-1951) đã viết gần 100 tác phẩm vừa truyện ngắn và tiểu thuyết, trong đó *Con gái*, *Nỗi buồn của kẻ yếu thế* (1919), *Pê ta ra ky*, *Bản sô nát của lửa* (1921). *Những người còn trẻ* (1933) *Mùa xuân ở cung* (1936) *Con tàu*,

Khoai tây, *Thư viện Choson* (1948) và *Đổi tiền* (1951) là những tác phẩm tiêu biểu đánh dấu các giai đoạn sáng tác quan trọng của ông.

Về tư tưởng Kim chủ trương "Văn học vì văn học" (nghệ thuật vì nghệ thuật) nhưng trong quá trình sáng tác ông lại đi sâu khai thác đời sống hiện thực với một tâm hồn nhạy bén, giàu cảm xúc, một khả năng quan sát cuộc sống tinh tế. Các tiểu thuyết của ông đều mang nội dung dân tộc, thể hiện sự đồng cảm, tình yêu thương sâu sắc đối với những người cùng khổ.

Bản sô nát của lửa là một thí dụ tiêu biểu về quan điểm "nghệ thuật vì nghệ thuật" và mâu thuẫn trong thế giới quan của Kim Tong In:

Một thanh niên, một nhạc sĩ còn rất trẻ bị kết án tử hình và một nhà phê bình âm nhạc muốn cứu anh ta thoát khỏi bản án đó. Ở đây, tác giả hay là nhà phê bình âm nhạc đưa ra nguyên nhân dẫn đến việc người thanh niên phạm tội và đồng thời cũng đưa ra một quan điểm mới về nghệ thuật.

Người thanh niên đó là con của nhạc sĩ nổi tiếng. Anh ta phạm tội trong một hoàn cảnh đặc biệt: Anh ta chỉ có thể sáng tác được những bản nhạc hay khi anh ta đốt nhà, giết người hay ôm xác chết trong tay cười điên loạn. Những lúc đó, anh đánh đàn dương cầm với âm thanh hùng hực, vang lên, vỡ ra thốn thốc. Những lúc bình thường anh đánh đàn không hay, sáng tác không cảm xúc. Anh ta bị kết án tử hình vì tội giết người, đốt nhà để có "rung động nghệ thuật". Một nhà phê bình âm nhạc - bạn của bố anh ta cùng tranh luận với một nhà giáo

dục học, tìm cách cứu anh ta. Tác phẩm đưa ra một câu hỏi khiến người đọc phải suy nghĩ. Nhìn chung, sáng tác của Kim Tong In toát lên tính thẩm mỹ và tính tự nhiên. Ông không may bị chết đi trong chiến tranh Nam - Bắc (1950-1953). Sau này, giải thưởng văn học Kim Tong In ra đời để tưởng nhớ tới một nhà văn lớn và để tặng thưởng cho các nhà văn lập thành tích xuất sắc hàng năm.

Sự phát triển của dòng văn học duy mỹ đã cho ra đời nhiều tiểu thuyết duy cảm mà đại biểu nổi bật nhất là Yom Sang Súp.

Yom Sang Súp (1897-1963) từ sáng tác theo chủ nghĩa tự nhiên với các tác phẩm nổi bật *Con ếch xanh trong phòng thí nghiệm*, *Sự bắt đầu của thế giới...* đến những tác phẩm hiện thực như *Tình yêu và tội lỗi*, *Một biển cố nhỏ*, *Khi mùa hoa nở*, *Ba thế hệ* là cả một quá trình từng bước đi trên con đường hiện thực chủ nghĩa. Sáng tác của ông thời kỳ đầu chủ yếu đăng tải trên 2 tạp chí lớn Kaebyuk (Sáng tạo) và Choson Mundan (Các dòng văn học Triều Tiên).

Tiểu thuyết *Trước Hurruhs* khắc họa đậm nét những phương diện chính của hiện thực Korea thời thuộc địa. Với bút pháp hiện thực chủ nghĩa sắc sảo, tác phẩm phơi bày cảnh sống khổ cực của người dân dưới ách thống trị của giặc Nhật. Đến *Ba thế hệ* thì Yom Sang Súp đã thể hiện được khả năng tổng hợp của tiểu thuyết: Sự kết hợp của tiểu thuyết xã hội và tiểu thuyết phong tục. Nhờ khắc họa được những bức tranh xã hội rộng lớn và tính cách sinh động, cuốn tiểu thuyết được xem như một trong

những thành tựu nổi bật của văn học Korea hiện đại.

Ba thế hệ là cuốn tiểu thuyết miêu tả sự biến động của các thế hệ trong một gia đình trước sự biến cải của xã hội, của thời thế: Thế hệ ông - Thế hệ cha - Thế hệ cháu. Từ đó, tác phẩm khái quát 3 giai đoạn với 3 thế hệ đại diện: Thế hệ phong kiến cuối mùa, thế hệ đất nước bị giặc chiếm đóng muốn cải cách nhưng thất bại và thế hệ muốn sống dung hoà trong hoàn cảnh thuộc địa. Tiêu biểu cho thế hệ thứ nhất là Cho Ui Kwan, một điền chủ giàu có, đại diện cho tầng lớp phong kiến già cỗi đang trên con đường suy tàn. Trong gia đình, Cho vẫn muốn bảo vệ quyền gia trưởng, tìm mưu kế duy trì các thiết chế, lễ giáo phong kiến lạc hậu nhưng rút cục đã thất bại trước sự đổi thay mạnh mẽ của thế hệ con. Ông nuôi hy vọng vào thế hệ cháu, nhưng cháu vẫn đi theo con đường cải cách của cháu. Cuối cùng, khi chết, ông vẫn di chúc ngoan cố: "Sau khi ta chết, nếu có người cầu nguyện cho ta theo nghi thức của đạo Jêsu thì ta sẽ quay về ngay để rút lưỡi của nó".

Cho Sang Hun là đại diện của thế hệ con, một trí thức có 2 năm du học ở Mỹ từng theo chúa Jêsu làm nghề truyền đạo, muốn cải cách khai hoá đất nước. Nhưng lực cản của chế độ thuộc địa bị ngoại bang thống trị, ông ta chẳng làm được gì. Trong gia đình thì mâu thuẫn với cha, bị ghét bỏ và không được quyền thừa kế. Ông ta thất bại hoàn toàn trong xã hội, gia đình và tình yêu.

Đại diện cho thế hệ cháu là Duck Ky, một người có lương tri và lý tưởng trước hiện thực đất nước bị Nhật dày xéo.

Nhưng rồi anh ta cũng muốn dung hoà các mâu thuẫn bằng cách vừa ủng hộ kiểu gia đình truyền thống trước tình trạng bị chế độ thuộc địa làm tha hoá. Rút cục, anh ta rơi vào tình trạng bế tắc, dang dở giữa cuộc đời.

Huyn Jin Geon (1900-1943) là nhà truyện ngắn xuất sắc, có vị trí nổi bật trong dòng văn học hiện thực. Ông xuất hiện vào thời kỳ "quá độ" "bản lề" của nền văn học hiện đại Korea đang vừa kế thừa những đặc điểm của văn học truyền thống vừa tiếp thu những ảnh hưởng của văn học hiện đại thế giới. Huyn chịu nhiều ảnh hưởng của phong trào Độc lập mông 1/3/1919. Sau sự kiện mông Một tháng Ba một tầng lớp trí thức trẻ ở thành thị đã ra đời và tìm cách khẳng định vị trí của họ trên văn đàn. Họ là những người chịu ảnh hưởng của Tây học, muốn đoạn tuyệt với giáo lý phong kiến hà khắc tồn tại từ bao đời và đòi tự do cá nhân. Họ ít nhiều có ý thức dân tộc, chủ trương khai sáng xã hội bằng con đường cải lương. Từ đó, hình thành một dòng văn học có xu hướng phản phong, cải lương mà tiêu biểu là Lee Kwang Su.

Nhưng khi khuynh hướng cải lương ảo tưởng bị sụp đổ thì tư tưởng chống đối, phủ nhận càng trở dậy, hình thành dòng văn học theo khuynh hướng hiện thực. Các tác giả chủ trương phơi bày những mặt đen tối của xã hội đương thời thông qua số phận con người, từ những người nông dân ở làng quê đến các trí thức ở thành thị. Tiêu biểu cho những nhà văn khai sáng dòng văn học này là Huyn Jin Geon.

Trong số nhiều tác phẩm truyện ngắn như *Hy sinh*, *Vợ nghèo*, *Xã hội xúi giục uống rượu*, *Người quản lý ký túc xá B và bức thư tình*, *Kẻ thoái hoá*, *Cái chết của bà*, *Ánh lửa*, *Tờ báo và thanh sắt*, *Cố hương*, *Bệnh viện tâm thần...* thì *Một ngày may mắn* (1924) là truyện ngắn tiêu biểu nhất, giữ vị trí quan trọng, tác phẩm "tượng trưng cho sự đổi mới trong sáng tác", tác giả đã không lý tưởng hoá hiện thực một cách vô căn cứ mà phân tích hiện thực trong thực trạng vốn có của nó.

Truyện ngắn kể về một người phu xe nghèo, một mình phải kiếm tiền nuôi đứa con thơ dại và người vợ đau yếu. Đến ngày vợ ốm "thập tử nhất sinh" anh vẫn phải đẩy xe đi hy vọng kiếm được tiền mua thuốc cho vợ. Vận may đã đến với Kim Chon Chi. Hôm đó anh kéo 4 chuyến khách liền, được một số tiền kha khá. Anh sung sướng vào quán uống rượu cho bỏ những ngày khổ nhục và mua một ít súp thịt về cho vợ. Nhưng khi trở về nhà thì vợ anh đã qua đời. Truyện ngắn này chỉ viết về một ngày, "một lát cắt ngang của cuộc đời" của số phận người nghèo khổ trong xã hội thực dân, nhưng nó tiêu biểu cho số phận nhân dân thời kỳ thuộc địa.

Bằng nghệ thuật phân tích tâm lý sắc sảo tinh tế, một bút pháp hiện thực tỉnh táo, lạnh lùng, Huyn đã để cho một người lao động chân chính đỉnh đạc bước vào văn học chứng tỏ một thời kỳ mới đã mở ra, thời kỳ văn học viết về dân chúng.

Không chỉ sáng tác truyện ngắn, Huyn Jin Geon còn sáng tác một số tiểu thuyết như *Đường xích đạo*, *Tháp không hắt bóng* và tiểu thuyết cuối cùng *Răng*

cửa màu đen chưa được hoàn thành vì sự kiểm duyệt gắt gao của phát xít Nhật, ông qua đời ở tuổi 43, trước ngày đất nước giải phóng không xa.

Ra Bin (1902-1927) là một nhà văn sống cuộc đời ngắn ngủi nhưng sự nghiệp văn học lại không hề ít. Sinh thời ông được coi là một cây bút thiên tài. Thế giới nhân vật người nông dân bị bần cùng, tha hoá dưới ách áp bức của địa chủ phong kiến qua *Nhà máy nước* và *Người cầm* của Ra Bin chẳng khác gì với các hình tượng nhân vật của Nam Cao ở Việt Nam. Những Bàng Nguyên, Kê Tập, An Hiến Tập, Tam Long Nhĩ... trong tác phẩm của Ra Bin có nhiều nét tương đồng với Chí Phèo, Thị Nở, Trương Rự... của Nam Cao.

Nhà máy nước và *Người cầm* được viết dưới một bút pháp hiện thực trên lập trường khách quan lạnh lùng, vừa mang tính hài hước vừa thể hiện vẻ đẹp bi tráng. Tác giả đã kết hợp được cái dục vọng mang tính bản năng và một tình yêu thánh thiện của con người. Đây là những tác phẩm xứng đáng được chọn là những tiểu thuyết xuất sắc tiêu biểu của nền văn học hiện đại Korea.

Thập kỷ 30 đánh dấu sự vận động, đa dạng, phức tạp của văn học Korea, đặc biệt là sự phát triển của các trường phái và xu hướng sáng tác văn xuôi khác nhau. Có khuynh hướng văn học được coi là tiến bộ thuộc nhóm kêu gọi đấu tranh giải phóng, phê phán ách áp bức của thực dân như Chai Man shik, Kim Yu Chong, Park Thê Won. Có khuynh hướng các nhà văn bộc lộ sự vỡ mộng, bế tắc, mất niềm tin vào con người như Kim Nam Chon, Lee The Chun... Nếu như

khuyh hướng thứ nhất đặt niềm tin vào lịch sử vào con người thì khuynh hướng thứ 2 lại không nhận ra nghĩa vụ của con người, nhìn nhận hiện thực trong bối cảnh chật hẹp và tác phẩm của họ thường thể hiện sự bi quan mang yếu tố hài hước.

Sự đa dạng của văn học không chỉ thể hiện trên nhận thức tư tưởng của các nhà văn mà điều dễ nhận thấy là văn học thời kỳ này phong phú về chủ đề, đề tài. Hai đề tài nổi bật được nhiều nhà văn khai thác là cuộc sống của người trí thức vô sản ở thành thị và cuộc sống của người nông dân ở nông thôn. Ngoài ra đề tài về lịch sử, đề tài về sinh hoạt gia đình cũng được văn học phản ánh dưới các phong cách nghệ thuật khác nhau: trào phúng, châm biếm, trữ tình...

Các sáng tác của Kim Yu Chong, Yu Hyo Soc, Yu Kwan Su đề cập đến đời sống của con người trong tự nhiên mang tính chất đồng quê. Các tác giả có khi phê phán có khi cảm thương cho sự đói nghèo ngu dốt, tối tăm của người nông dân (*Đất sét, Nô lệ của đất, Canh tác, Hoa trà, Mùa hoa kiều mạch, Cây thường xanh...*). Bên cạnh những tác phẩm phản ánh đời sống nông thôn tối tăm lạc hậu là những tác phẩm phơi bày hiện thực thống khổ của người dân Korea dưới ách áp bức của Nhật Bản. Trong số những tác phẩm thuộc chủ đề này có lẽ Chai Man Shik là tác giả tiêu biểu nhất, với tác phẩm nổi bật *Dòng thác* miêu tả một thời kỳ tối tăm của người nông dân Korea dưới ách áp bức bóc lột của đế quốc Nhật. Từ việc mô tả việc đầu cơ tích trữ lương thực, nông sản ở một hải cảng, tác phẩm tố cáo sự bóc lột của Nhật Bản đối với nền nông

nghiệp Korea. Sức tố cáo mạnh của tác phẩm thể hiện ở chỗ nó khái quát một tư tưởng là chừng nào xã hội còn dựa vào sự bất công và đối trá thì chừng đó không thể có tiến bộ được.

Mảng đề tài về đô thị với những "vùng sáng" của văn minh phương Tây và "vùng tối" của những kiếp người và tệ nạn xã hội được nhiều tác giả khai thác, phản ánh khá sâu sắc. (*Đôi cánh* của Yu San, *Phong cảnh* của Chon Bi On, *Bệnh hoa hồng* của Yu Hyo Sóc...). Nhiều tác phẩm tập trung phản ánh cuộc sống vô sản, quần quanh, bế tắc, mòn rĩ của tầng lớp trí thức nghèo thành thị, tiêu biểu là truyện ngắn *Sự an bài của số phận* (1934) của Chai Man Shik. Số phận của người trí thức đã được định sẵn, được an bài dưới thời thuộc địa. Họ là những người nghèo khổ, không lý tưởng, không ước mơ, cuộc sống đầy mặc cảm về thân phận. Tác giả một mặt phê phán họ mặt khác tỏ lòng thương cảm vì dẫu sao họ vẫn là những con người có lương tâm.

Đề tài về gia đình với những mâu thuẫn giữa các số phận khác nghiệt được phản ánh trong văn xuôi khá sâu sắc qua tiểu thuyết *Ba thế hệ* của Yom Sang Sup, *Thiên hạ thái bình* của Chai Man Shik. Đề tài lịch sử với những câu chuyện được viết gia tăng sự hư cấu để tránh sự kiểm duyệt của Nhật nhằm mục đích tạo nguồn cảm hứng nhận thức về lịch sử dân tộc: *Thái tử của ma quỷ* của Yu Kwan Su, *Mùa xuân* của Yun Pyong Kun, *Giọt máu* của Park Chun Hon, *Tháp Muyo* của Huyn Jin Geon.

Thập niên 40 là thời kỳ đen tối và bế tắc nhất của nền văn xuôi Korea. Nhật đàn áp mạnh và văn học bị đình trệ. Sự

lộn xộn chính trị sau năm 1945 và sự bạo động của cuộc chiến Korea đã gây nhiều hỗn độn cho hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Phần lớn các tác phẩm văn chương phản ánh sự khùng khiếp của cuộc chiến tranh "huynh đệ tương tàn". Những năm 50 xuất hiện một thế hệ những nhà văn trẻ, những nhà văn trực tiếp chứng kiến cuộc nội chiến tàn khốc. Bán đảo Korea chia làm 2 miền và là 2 quốc gia riêng rẽ đưa nền văn học Korea phát triển trong những hoàn cảnh lịch sử, hoàn cảnh sáng tác và hệ tư tưởng khác nhau. Từ 1948 chúng ta đã có thể nói tới 2 nền văn học: văn học Triều Tiên và văn học Hàn Quốc.

II. Văn xuôi Hàn Quốc nửa sau thế kỷ XX

1. Văn xuôi về chủ đề chiến tranh

Văn học Hàn Quốc nửa sau thế kỷ XX phát triển vận động trong một bối cảnh lịch sử - xã hội phức tạp mà mở đầu là sự ám ảnh, nỗi đau của cuộc chiến tranh 1950-1953. Phải đến chục năm sau, "xu hướng sám hối vì lỗi lầm" "cơn ác mộng kinh hoàng" vẫn gây dấu ấn nặng nề, tác động dữ dội vào bao thế hệ người cầm bút. Chủ đề nổi bật của văn học giai đoạn này tất nhiên là chủ đề chiến tranh. Chiến tranh được các tác giả văn xuôi nhìn nhận ở 2 khía cạnh: sự bi thảm, tính chất khốc liệt với sự đổ vỡ, chết chóc và nỗi đau mặc cảm, tự ty dân tộc, một dân tộc nhỏ bé trở thành vật hy sinh, sự mặc cả của các cường quốc. Khói lửa của chiến tranh dần dần lùi xa, còn nỗi đau nhức tiểu thì ngày càng thấm đẫm trong nhiều trang viết của nhiều thế hệ nhà văn, kể cả những người chưa từng ngửi mùi khói đạn của cuộc chiến.

(Chong So Sung, Park Wan So, Kim Chi Ha, Kim Myong In, Ha Kun Chan...)

- Kim Myong In ít khai thác mảng hiện thực đau thương chết chóc trong khói lửa chiến tranh mà ông đề cập tới một hiện thực mới mà cho đến nay nó vẫn nhức nhối cho bao người dân Hàn Quốc: Người dân Hàn Quốc sống quanh các căn cứ quân sự Mỹ hàng ngày phải đối mặt với những điều gợi nhớ lại quá khứ, nhắc nhở nỗi đau còn rỉ máu trong tâm hồn họ. Họ buộc lòng phải đánh giá lại "cuộc chiến tranh huynh đệ không đáng có" nhưng lại phải chấp nhận "sự xâm lấn" của một lối sống khác, một nền văn hoá khác với truyền thống văn hoá của họ. Tác phẩm khai thác các mảng hiện thực đen trắng khác nhau trong cuộc sống hậu chiến.

- Ha Kun Chan là một trong những tác giả nổi tiếng sau chiến tranh với một loạt các tác phẩm viết về đề tài chiến tranh, nông thôn như *Chuyện nơi bên sông*, *Chòm râu bạc* (1959), *Qua núi*, *Lời khuyết* (1961), *Hai người vợ* (1963), *Con chồn* (1970), *Đảo trắng* (1974), *Sống vì người khác* (1976), *Chiếc ô tô chạy đường núi*, *Con ếch Seoul* (1979), *Con sóng thần bí* (1982). Trong đó *Đồng bệnh*, *Chuyện nơi bên sông*, *Con chồn* được giải thưởng văn học Hàn quốc.

Truyện ngắn *Đồng bệnh* và *Chuyện nơi bên sông* là 2 tác phẩm phản ánh về đề tài chiến tranh, sự mất mát đau thương của con người và nghị lực phi thường của một dân tộc sau cuộc chiến tranh khủng khiếp "nồi da nấu thịt".

Qua sáng tác của mình, Ha Kun Chan đã cố gắng soi sáng từ nhiều góc độ bộ mặt khủng khiếp của chiến tranh.

Ông tập trung khắc hoạ sự bất hạnh của số phận những con người trong các cuộc chiến. Tác phẩm *Đồng bệnh* (Hai đời bị nạn) như tên gọi của nó đã khắc hoạ hình ảnh hai cha con người lính - một phế binh thời kháng Nhật, một phế binh thời nội chiến 50-53 gặp lại nhau sau chiến tranh, sau bao đau khổ, dập vùi. Người cha cụt một cánh tay, người con mất một chân. Người cha đón người con trở về nhà tại một bến xe. Hai cha con phải qua một chiếc cầu độc mộc. Cha công con trên lưng vừa an ủi con vượt qua cầu mà trong lòng đứt từng khúc ruột: "Đáng thương cho con tôi, còn trẻ thế này mà đường đời chẳng ra gì". Tác giả miêu tả tấn bi kịch sinh tồn của 2 con người đã bị chiến tranh huỷ hoại cả thể xác và tinh thần. Tác phẩm được viết với cảm hứng bi thảm, thấm đẫm tính bi kịch của đời sống con người sau chiến tranh.

- Choe In Hun trong *Quảng trường* thể hiện cách nhìn chiến tranh qua nhân vật chính của tác phẩm (Yi Myong Jun) không chỉ là cuộc chiến của bên này chống bên kia mà kết thúc dù có thể nào chẳng nữa thì tất cả đều đưa con người đến chỗ mất đi sự yên tĩnh vốn có trong tâm hồn, mất đi cả chốn nương thân cuối cùng. Cùng với nhiều tác phẩm thơ ca khác, tác phẩm này được viết không bị chi phối bởi lập trường phe này phái nọ mà viết từ lập trường nhân nghĩa truyền thống, vượt lên trên cả hận thù để đến với con người. Kết luận của tác phẩm là cuộc nội chiến "nồi da xáo thịt" sẽ không thể đưa đến một nền hòa bình thực sự. Nhân vật của tác phẩm cuối cùng đã chạy trốn khỏi đất mẹ tìm nơi trú ẩn cho tâm hồn nhưng cũng không thể tìm thấy được.

- Nữ nhà văn Park Wan So viết một loạt các tác phẩm về chủ đề chiến tranh gây sự chú ý của công chúng: *Một ngày trần trụi, Gần Phạt, Chiếc máy ảnh và những đôi ủng, Điều không thể quên, Mùa Đông năm nay thật là nóng, Có thật ở đây không có núi...* Truyện ngắn của Park viết về những số phận con người sống trong hoàn cảnh đất nước chiến tranh và cả thời kỳ hậu chiến, những di chứng nặng nề của cuộc chiến

Gần Phạt và *Chiếc máy ảnh và những đôi ủng* không miêu tả trực tiếp sự tàn bạo, dã man khủng khiếp của chiến tranh mà thông qua nhân vật Tôi (người kể chuyện) người đã cùng chứng kiến với các nhân vật trong tác phẩm về những thảm họa của chiến tranh đã cho thấy dư âm và ám ảnh của của cuộc chiến vẫn còn mãi đến sau này.

Hai mẹ con trong tác phẩm *Gần Phạt* đã phải sống trong những ngày mà cuộc chiến đã lùi xa một tâm thế nặng nề về 2 cái chết của người thân trong chiến tranh. Họ đã phải chứng kiến cảnh người con trai, người anh bị giặc giết và chính họ đã phải nuốt nước mắt nhật từng mảnh thịt. Cũng chính họ đã phải chứng kiến cảnh người chồng, người bố bị giặc cầm tù và ông chết dần trong đau đớn giữa thành phố Seoul trống rỗng, vắng lặng. Hai cái chết bi thảm, oan uổng không lý do, đeo đẳng mãi trong tâm trí 2 mẹ con: "Mẹ và tôi, cả hai chúng tôi hoàn toàn nuốt vào mình hai người chết, hai khuôn mặt chết". Cả hai mẹ con không dám thổ lộ cái chết của người thân bởi trong chiến tranh ...và rồi nhân vật tôi đã nói những lời đắng cay, chua chát: "Không phải tôi cầm tù những linh hồn ấy, mà chính những linh hồn ấy đã cầm

tù tôi. Và khi đã bị linh hồn giam giữ, tôi đoạn tuyệt với những niềm vui và vẻ đẹp trong cuộc đời". Chủ đề chiến tranh đã được miêu tả từ nhiều điểm nhìn với nhiều cảm hứng và thể hiện nỗi đau thương muôn thuở của con người trong chiến tranh.

2. Trường phái văn học "Tân cảm giác"

Những năm 60, trên văn đàn Hàn Quốc xuất hiện trường phái văn học "Tân cảm giác", họ chú trọng kỹ thuật văn chương, không coi trọng chức năng của văn học mà đặc biệt quan tâm đến kỹ xảo ngôn ngữ. Họ chủ trương nghệ thuật nên từ "vô ý thức" để biểu hiện cảm giác hoan tưởng, tác phẩm nghệ thuật thể hiện cái gọi là "chân thực của thâm ảo".

Phái văn học "Cảm giác mới" tập hợp được một số nhà văn lớn như Kim Thừa Ngọc, Kim Thành, Từ Đình Nhân, Phác Thái Tuân... Trong đó, Kim Thừa Ngọc là nhà văn tiêu biểu nhất với một loạt tác phẩm nổi tiếng những năm 60-70 như *Seoul mùa đông 1964, Diễn tập của sinh mệnh, Vụ tân ký hành, Ánh trắng Seoul, Mùa hè tôi đánh mất*.

Kim Thừa Ngọc (Kim Sung Uk) bắt đầu sáng tác văn học từ năm 1962 và *Seoul, mùa Đông 1964* (Xuất bản năm 1965) là tác phẩm tiêu biểu được nhận giải thưởng văn học, và cũng từ tác phẩm này ông được mệnh danh là "nhà cải cách của khuynh hướng cảm giác".

Seoul, mùa Đông 1964 miêu tả 3 nhân vật: Kim (nhân vật Tôi, người kể chuyện), An và 1 người đàn ông khác. Ba người tình cờ gặp nhau tại một quán rượu ở thủ đô Seoul vào một đêm mùa Đông giá rét trong tâm trạng chán

Park Kyong Ri, được tác giả viết trong 26 năm, tác giả đã nhận được nhiều giải thưởng nổi tiếng ở Hàn Quốc và trên thế giới. Tháng 3/1995, bà được trao giải Hoam, giải thưởng văn học lớn ở Hàn Quốc có số tiền cao nhất. *Thổ địa* là công trình vĩ đại nhất trong 50 năm qua kể từ ngày Độc lập. Bộ tiểu thuyết đó đã phát triển sự phong phú của ngôn ngữ và tinh thần Hàn Quốc, vượt quá phạm vi 'một thành tựu lịch sử đơn giản của văn học.

Thổ địa như một bộ biên niên sử lớn dựng lại sự thăng trầm của một gia đình địa chủ nông thôn trong thời gian trước, trong và sau cuộc chiến tranh xâm lược của Nhật Bản. Tác giả phơi bày đầy đủ, chi tiết toàn cảnh một cuộc xung đột về giá trị văn hoá cũ và mới, cuộc sống trần gian được mô tả bằng một thể loại tiểu thuyết mới, *tiểu thuyết dòng sông*, đem lại cho người đọc một cảnh tráng lệ thực sự của dung lượng hiện thực đồ sộ của tác phẩm.

Tiếp tục thể loại tiểu thuyết lịch sử, Hwaang Soc Yong viết *Chang Kil 'San*

qua khai thác về cuộc đời nổi loạn đầy bi kịch của một nhân vật truyền thuyết để mô tả bức tranh toàn cảnh về cuộc sống Triều Tiên thế kỷ XVIII.

Nhìn chung, 50 năm văn xuôi Hàn Quốc cuối thế kỷ XX là một chặng đường phát triển nhiều biến động phức tạp với sự tiếp tục của nhiều thế hệ nhà văn thuộc nhiều tầng lớp trong xã hội. Mảng đề tài ngày càng được bao quát mở rộng, hiện thực đời sống được phản ánh trong tác phẩm ngày càng sâu sắc và quy mô. Thành tựu của văn xuôi thể hiện trên nhiều thể loại nhưng có lẽ truyện ngắn là thể loại có vị trí đặc biệt quan trọng ở Hàn Quốc hiện nay. Thị trường văn học Hàn Quốc quy định sự lên ngôi của thể loại này.

Văn xuôi Hàn Quốc đang trên đường phát triển, phản ánh khách quan hiện thực xã hội đương đại. Tất cả đang ở phía trước, thế kỷ XXI với một bán đảo còn chịu nhiều nỗi đau chia cắt, chắc chắn còn nhiều thử thách và biến động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *A guide to Korean Literature*, Hyang Nin Sa. Seoul, 1983.
2. *An Introduction to Korean Literature*, InsopZong - Hyangninsa, Seoul, 1970
3. *Đông phương văn học sử*, (tiếng Trung), NXB Đại học Bắc Kinh, 2001
4. Chuyên san văn học Hàn Quốc và giao lưu văn học Hàn-Việt, *Tạp chí văn học*, 10-1995.
5. *Hàn Quốc (Đất nước - con người)*, Trung tâm dịch vụ thông tin hải ngoại Hàn Quốc, 1993.
6. *Hàn Quốc, lịch sử - văn hoá* - (nhiều tác giả), NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội, 1996.
7. *Hàn Quốc, lịch sử và văn hoá* (dịch), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
8. Huyn Jin Geon (Kang Ha Na dịch), *Một ngày may mắn* (tập truyện ngắn), NXB Hội nhà văn, H. 2002
9. *Introduction to Korea History and Culture*, Hollym, Korea, 1993

10. Kim Bính Tế, Văn học Triều Tiên sau giải phóng, *Tạp chí văn học*, 9-1960
11. *Korean Literature in Cultural Context and Comparative*, Cho Dong In, Seoul, 1997.
12. *Korean Literature: Topics and Themes*, Peter Lee, The Univ Of Arizona. American, 1966.
13. *Making Of Korean Literature*, Kim Yong Jik, Sung Chan Kyung, The Korean Culture & Arts Foudation, 1986.
14. Một số khoá luận tốt nghiệp của sinh viên ngành ngôn ngữ và văn hoá Hàn Quốc - Khoa Ngữ văn, Đại học KHXH&NV (Tư liệu Khoa văn học).
15. Nguyễn Long Châu, *Nhập môn văn học Hàn Quốc*, NXB Giáo dục, H. 1997.
16. Oh Chang Hee, *Ván bài lúc hoàng hôn* (tập truyện ngắn), NXB Văn học, 2006.
17. *Tương đồng văn hoá Việt Nam - Hàn Quốc* (Nhiều tác giả), NXB Văn hoá thông tin, 1996.
18. *The Anthology Of Korean Literature*, Hawwail Honolulu, 1981.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXII, N_o3, 2006

SKETCHES OF THE DIFFERENT DEVELOPMENT PERIODS OF KOREAN MODERN PROSE IN THE 20TH CENTURY

Tran Thuc Viet

*Department of Literature,
College of Social Sciences and Humanities, VNU*

This article aims at identifying 2 principal periods of Korean modern prose in the first half and latter half of the 20th century. It introduces typical authors, works, tendencies and movements of the prose.

In the first half of the 20th century, we would like to introduce the prose of independent peninsula (including both the Southern and Northern regions). Regarding the prose in the second half of the century, we only introduce the Korean prose because of lacking of documentations.